

Bản án số: 74/2024/HS-ST

Ngày: 11-7- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Ông Đinh Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Minh T, sinh năm 1994, tại Bà Rịa – Vũng Tàu. HKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1970, Mẹ: Khương Thị N, sinh năm 1976; Vợ: Nguyễn Ngọc Thành T1, sinh năm 2003 và có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án số 79/2017/HS-ST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Bị cáo chấp hành xong vào ngày 08/9/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị hại: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1998; Địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được

tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, Nguyễn Minh T đến phòng trọ số 8 thuộc dãy nhà trọ số F đường L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gặp anh Trần Văn T2 (sinh năm: 1998; trú tại: xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình) hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93F1-058.67 để đi chơi, anh T2 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe đi chơi với hai người bạn tên “T3” và “Quậy” (cả hai người T đều không rõ họ tên, địa chỉ. Đến khoảng 09 giờ ngày 05/3/2023, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định đem chiếc xe của anh T2 đi cầm cố cho “Quậy” với giá 2.000.000 đồng (khi cầm xe T nói với Q là xe của T), Q đồng ý cầm xe cho T. Sau đó, T đưa xe cho Q và lấy số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Ngày 06/3/2023, T liên lạc với Q chuộc lại xe thì Q yêu cầu đưa 3.000.000 đồng nên T không chuộc được xe. Do không thấy T đem xe về trả nên anh T2 gọi điện hỏi thì T nói là lỡ cầm xe rồi, anh T2 nói T chuộc ra thì T hẹn vài hôm nhưng T vẫn không chuộc xe trả lại cho anh T2 đồng thời T đến huyện X để làm việc. Ngày 07/3/2023, anh Trần Văn T2 đến Công an thị trấn N trình báo sự việc Nguyễn Minh T đã có hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.(Bút lục số 110-119; 121-134)

Ngày 03/4/2024, Nguyễn Minh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/BB-HĐĐGTS ngày 15/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: giá trị của xe mô tô biển số 93F1 – 058.67 là 6.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93F1 – 058.67, T khai khi cầm xe cho người tên “Quậy”, sau đó T có liên lạc với “Quậy” để chuộc lại xe nhưng “Quậy” không cho chuộc, T không biết “Quậy” ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định truy tìm đồ vật đối với xe mô tô trên, đồng thời ra thông báo trên B. Đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C vẫn chưa thu giữ được chiếc xe.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Minh T đã bồi thường cho anh Trần Văn T2 số tiền 10.000.000 đồng. Hiện anh T2 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự, đồng thời viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại Bản cáo trạng số 68/CT-VKS-CD ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đánh giá tính chất mức độ và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên; bị cáo trình bày bản thân đã biết hành vi của mình là sai, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm án.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại: Xét thấy, bị hại đã được triệu tập hợp lệ và đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan Điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt của bị hại và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vụ án như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, Nguyễn Minh T đến phòng trọ số 8 thuộc dãy nhà trọ số F đường L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mượn anh Trần Văn T2 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93F1-058.67. Đến khoảng 09 giờ ngày 05/3/2023, do không có tiền tiêu xài nên T đã đem chiếc xe trên đi cầm cố cho người tên “Quậy” (chưa rõ nhân thân) với giá 2.000.000 đồng. Do đó hành vi của Nguyễn Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Mặc dù bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản; bị

cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới đủ giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đầu thú, nên căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Không có.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Minh T 12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2024.

3. Án phí: Bị cáo **Nguyễn Minh T** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (11-7-2024) bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV 06, PC 10)
- Chi Cục THADS huyện Châu Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hiền

